| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐỊNH QUÁN**<br>TỈNH ĐỒNG NAI | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 8 năm 2022
V/v xin ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Xuân Hòa.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Trần Thúy Nga; Ông Hoàng Văn Đông.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Quách Kim Lân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán:*** Ông Nguyễn Hữu Thọ – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử công khai vụ án thụ lý số 55/20222/ TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 về việc "Ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Ánh T, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: 1544/44, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh Tô Minh Bảo N, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Số nhà 17/1, ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn, chị Lê Thị Ánh T trình bày:**

Chị và anh Tô Minh Bảo N tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 176 ngày 20/12/2010. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh

mâu mâu thuẫn vì anh N không tôn trọng gia đình chị và đánh chị. Từ năm 2018, vợ chồng chị đã tự sống ly thân nhau, không ai còn quan tâm đến ai. Nay cuộc sống của vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh N.

Chị và anh N có 03 con chung tên là Tô Phương N - sinh ngày 03/5/2011; Tô Minh H - sinh ngày 05/7/2013 và Tô Minh P - sinh ngày 15/5/2016. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Vợ chồng chị không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**- Trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn anh Tô Minh Bảo N:** Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án; được Tòa án triệu tập hợp lệ đến làm việc, tham gia phiên họp tiếp cận việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N vắng mặt, không nêu ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn.

**Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:** Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đều đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì.

Về đường lối xử lý vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh N. Chị T đang nuôi con, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con nên đề nghị Tòa án giao các con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Tô Minh Bảo N cư trú tại ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (BL 33) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh N, yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chia tài sản chung nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về việc vắng mặt các đương sự: Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt (BL 32); anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh N tự nguyện đăng ký kết hôn; hôn nhân không vi phạm điều cấm nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Qua xác minh tại địa phương thể hiện: Cuộc sống vợ chồng giữa chị T, anh N không hạnh phúc, hai người thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau và đã tự sống ly thân nhau (BL 33). Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh N đến để hòa giải đoàn tụ nhưng anh N không đến; điều đó thể hiện bị đơn không còn mong muốn hòa giải để gia đình đoàn tụ.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị T, anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh N.

[5] Về quan hệ con chung:

Các cháu Tô Phương N - sinh ngày 03/5/2011; Tô Minh H - sinh ngày 05/7/2013 và Tô Minh P - sinh ngày 15/5/2016 hiện do chị T nuôi dưỡng. Qua kết quả xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ ở địa phương thể hiện trong thời gian sống ly thân thì chị T đã nuôi dưỡng các con chu đáo, đảm bảo các cháu phát triển bình thường (BL 29, 30, 33). Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao 03 con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh N do chị T không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[7] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118, 131 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Ánh T được ly hôn với anh Tô Minh Bảo N.

2. Về con chung: Giao các cháu Tô Phương N - sinh ngày 03/5/2011; Tô

Minh H - sinh ngày 05/7/2013 và Tô Minh P - sinh ngày 15/5/2016 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh N do chị T không yêu cầu.

Anh N được đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản; Các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, quyền yêu cầu hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ: Chị T phải chịu. Chị T đã nộp tạm ứng 300.000đ (theo biên lai số 0003465 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán) được chuyển thu án phí.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận :***
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Định Quán;
- Thi hành án dân sự H. Định Quán;
- UBND cấp xã (ghi vào sổ hộ tịch);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Xuân Hòa**